

TIỀN TỆ



cuu duong than cong. com

TRONG NỀN KINH TẾ

cuu duong than cong. com

KẾT CẤU NỘI DUNG 14 & 15

1. Cầu tiền tệ
2. Chính sách tiền tệ & Chính sách tài chính trong mô hình ISLM
3. Phân tích tổng cung & tổng cầu
4. Tiền tệ & lạm phát

CẦU TIỀN TỆ

1. Các lý thuyết về cầu tiền tệ
2. Xác định lượng cầu tiền

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

CÁC LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

1. Những lý thuyết cho rằng lãi suất không có ảnh hưởng đến cầu tiền
 - Học thuyết số lượng tiền tệ
 - Trường phái Cambrige (Anh)
2. Những lý thuyết nhấn mạnh tầm quan trọng của lãi suất ảnh hưởng đến cầu tiền
 - Thuyết ưa thích tiền mặt của Keynes
 - Học thuyết số lượng tiền tệ của Friedman

HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ

1. Nhóm các nhà kinh tế cổ điển: Irving Fisher, Alfred Marshall & A. C Pigon
2. Thời gian trong thế kỷ 19 & đầu 20
3. Nội dung
 - Cầu tiền tệ là một hàm số của thu nhập & không chịu ảnh hưởng của lãi suất
 - Công thức: $M = (1/V) * PY$
 - M là số lượng tiền tệ
 - V là tốc độ chu chuyển của tiền
 - Y là tổng sản phẩm
 - P là mức giá cả

TRƯỜNG PHẢI CAMBRIDGE ANH

1. Có công thức tính lượng cung tiền như Irving Fisher
2. Có quan tâm đến ý muốn giữ tiền của Công chúng nhưng không cho là có ảnh hưởng đến cầu tiền
3. Cho rằng có 2 thuộc tính thúc đẩy người ta muốn giữ tiền
 - Tiền là một phương tiện thanh toán
 - Tiền là một phương tiện cất trữ

THUYẾT ƯA THÍCH TIỀN MẶT CỦA JOHN MAYNARD KEYNES

1. Quan điểm nhấn mạnh vai trò của lãi suất trong việc xác định cầu tiền tệ
2. 3 động cơ khiến người ta giữ tiền
3. Cầu tiền phụ thuộc vào cả thu nhập (Y) & lãi suất (i)
4. Phương trình xác định cầu tiền của Keynes được gọi là hàm số ưa thích tiền mặt

$$M^D/P = f(i, Y)$$

Trong đó M^D có quan hệ nghịch với i
& thuận với Y

HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ CỦA MILTON FRIEDMAN

1. Có cách tiếp cận tương tự như Keynes & các nhà kinh tế học Cổ điển nhưng đi sâu vào ảnh hưởng của lãi suất đến cầu tiền đầu tư
2. Công thức thể hiện những phân tích của Friedman

$$M^D/P = f(Y_P, r_b - r_m, r_e - r_m, \pi^e - r_m)$$

M^D/P : cầu về tiền mặt thực tế

Y_P : thu nhập thường xuyên

r_b : lợi tức dự tính về trái khoán

r_e : lợi tức dự tính về vốn cổ phần

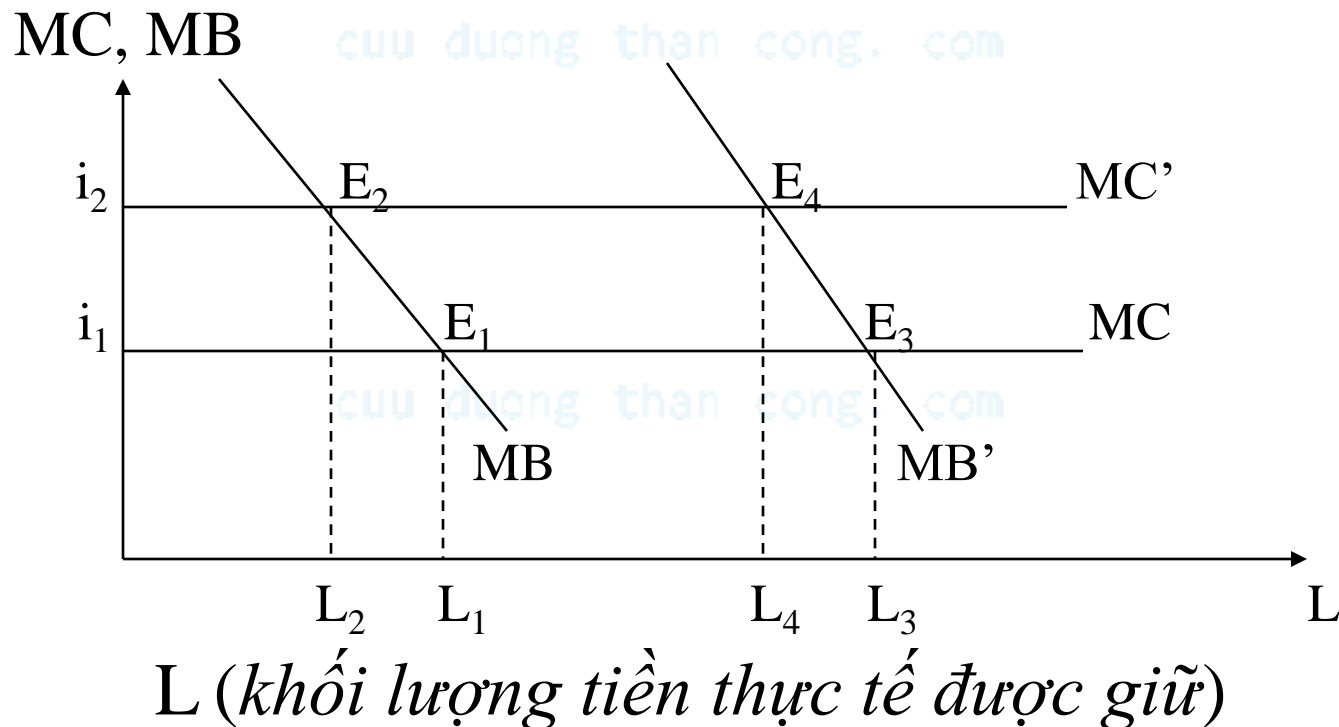
π^e : tỷ lệ lạm phát dự tính

r_m : lợi tức dự tính về tiền mặt

(Trong đó chỉ có biến Y_P là có quan hệ thuận với M^d/P)

XÁC ĐỊNH LƯỢNG CẦU TIỀN

1. Căn cứ \rightarrow chi phí biên (MC) = lợi ích biên (MB) của việc giữ tiền
2. Đồ thị



CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ & CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TRONG MÔ HÌNH ISLM

1. Mô hình ISLM

- Đồ hình chéo của Keynes
- Mô hình ISLM

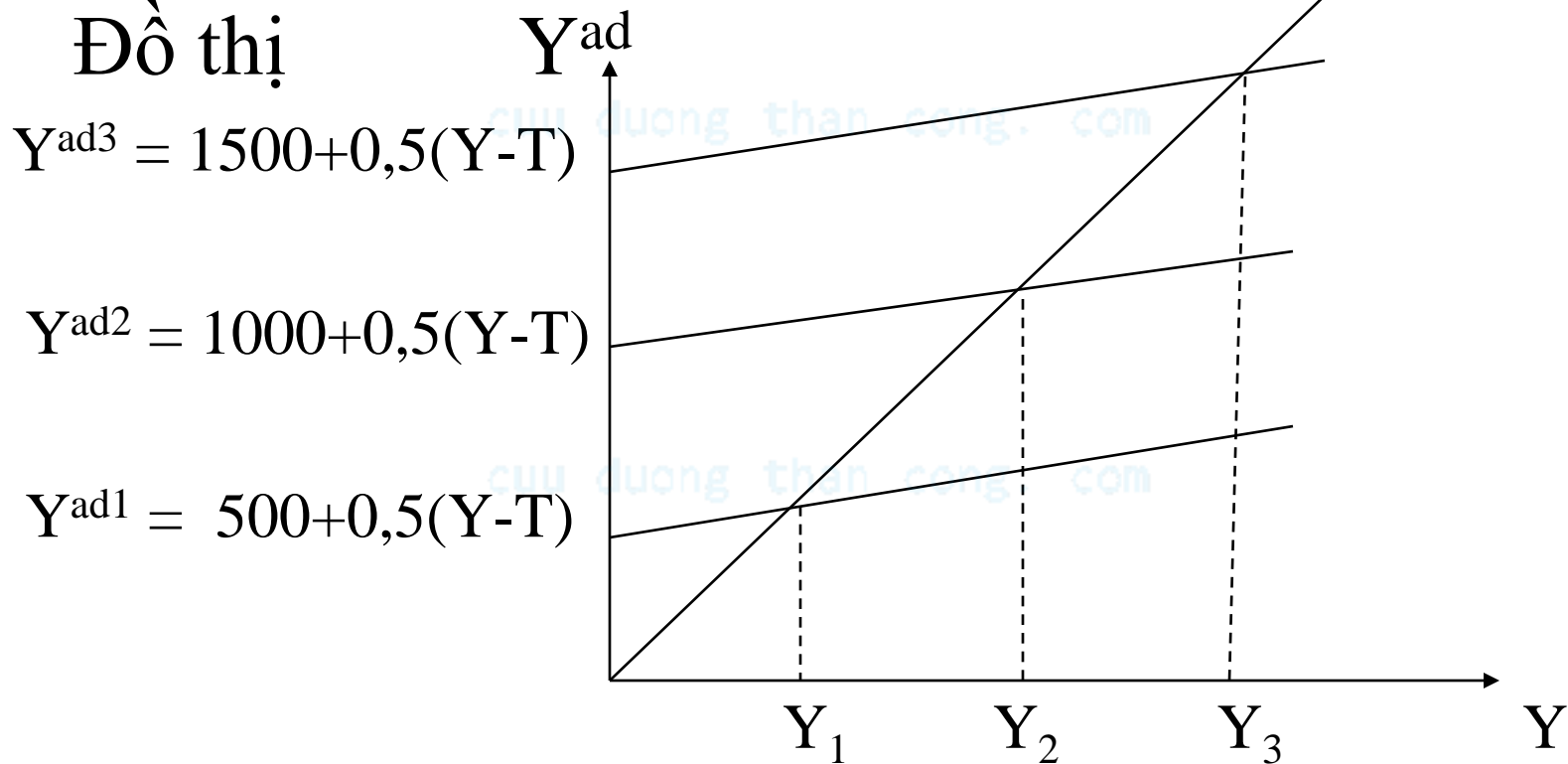
2. CSTT & CSTC trong mô hình ISLM

- Những nhân tố làm chuyển dịch đường IS
- Những nhân tố làm chuyển dịch đường LM
- Tác động của CSTT
- Tác động của CSTC
- Hiệu quả của CSTT & CSTC

ĐỒ HÌNH CHÉO CỦA KEYNES

1. Xác định quan hệ tổng cung (Y) & tổng cầu (Y^{ad}) dựa vào đường 45^0

2. Đồ thị



CÁC NHÂN TỐ CẦU THÀNH TỔNG CẦU (Y^{ad})

$$Y^{ad} = C + I + G + NX$$

C: chi tiêu cho tiêu dùng

I: chi tiêu cho đầu tư

G: chi tiêu của Chính phủ

NX: chi tiêu cho xuất nhập khẩu

T: thuế

(đây là các nhân tố tự định)

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ISLM

1. Cân bằng trên thị trường hàng hoá → Đường IS

- Ảnh hưởng của lãi suất đến cầu đầu tư (I) & xuất khẩu ròng (NX)
- Xây dựng đường IS
- Ý nghĩa đường IS

2. Cân bằng trên thị trường tiền tệ → Đường LM

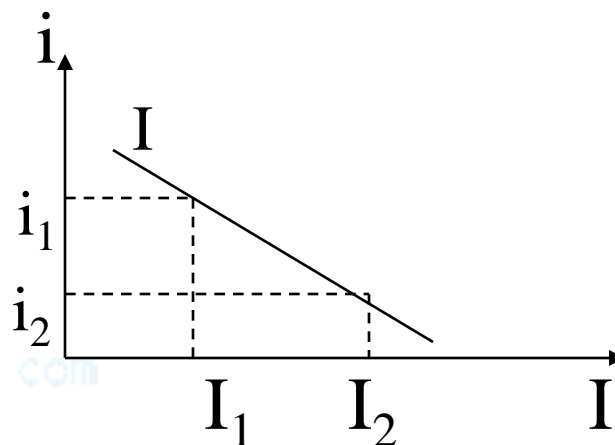
- Ảnh hưởng của tổng sản phẩm tới lãi suất
- Xây dựng đường LM
- Ý nghĩa đường LM

3. Mô hình ISLM

ẢNH HƯỞNG CỦA LÃI SUẤT TỚI CẦU I & NX

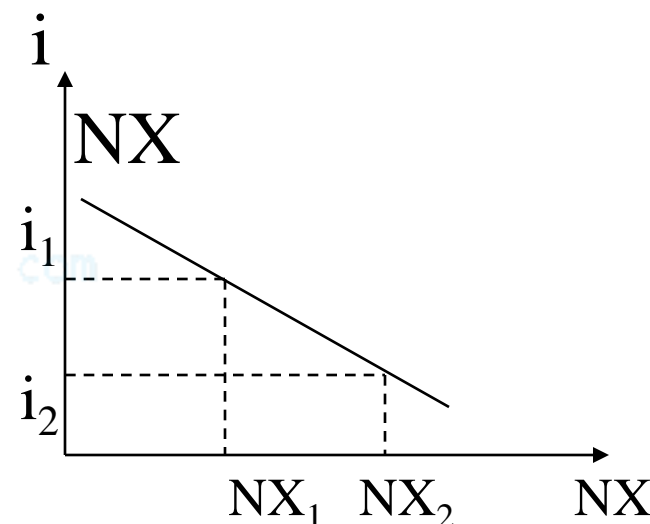
1. Lãi suất & cầu đầu tư (I)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \leftrightarrow I_1 < I_2$



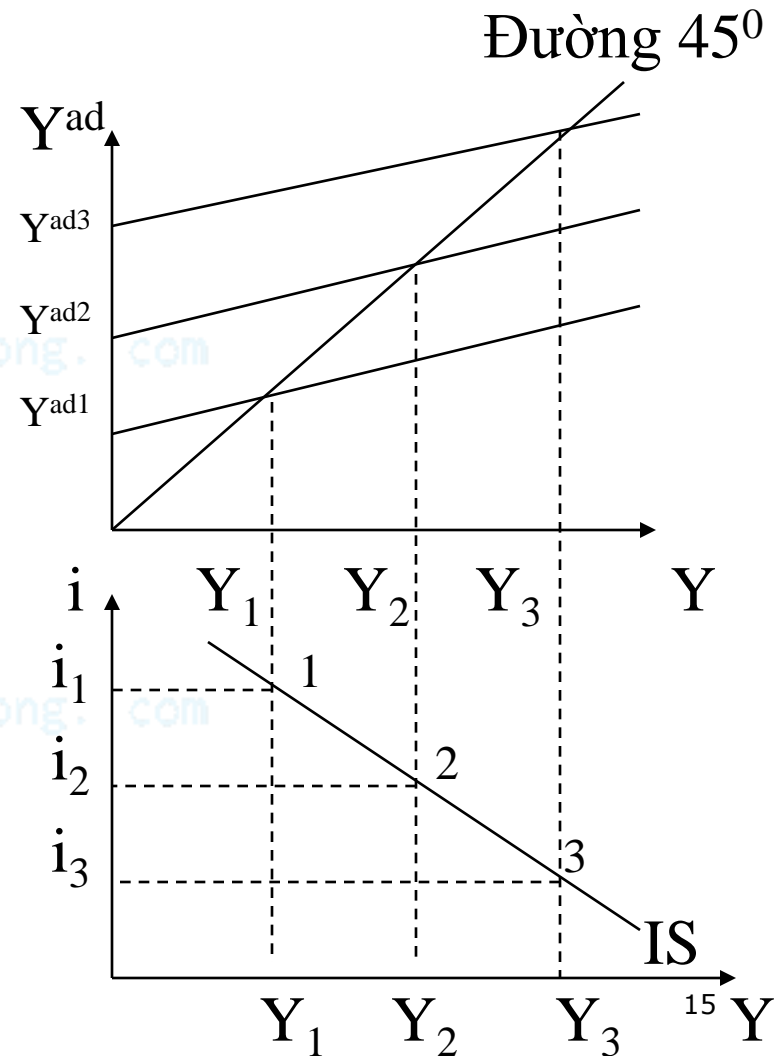
2. Lãi suất & cầu xuất nhập khẩu (NX)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \leftrightarrow NX_1 < NX_2$



XÂY DỰNG ĐƯỜNG IS

- $i_1 \rightarrow Y_1$
- $i_2 \rightarrow Y_2$
- $i_3 \rightarrow Y_3$
- Các điểm 1, 2 & 3 là đường IS



Ý NGHĨA ĐƯỜNG IS

1. IS là tập hợp những điểm cân bằng trên TT-SP theo đó tổng lượng hàng hoá sx ra bằng tổng lượng hàng hoá được yêu cầu ($Y = Y^{ad}$)
2. IS là đường dốc xuống, phản ánh quan hệ nghịch giữa lãi suất (i) & sản lượng (Y)
3. IS phản ánh xu hướng vận động của TT-SP khi biết xu hướng vận động của lãi suất (i) là luôn trở về IS

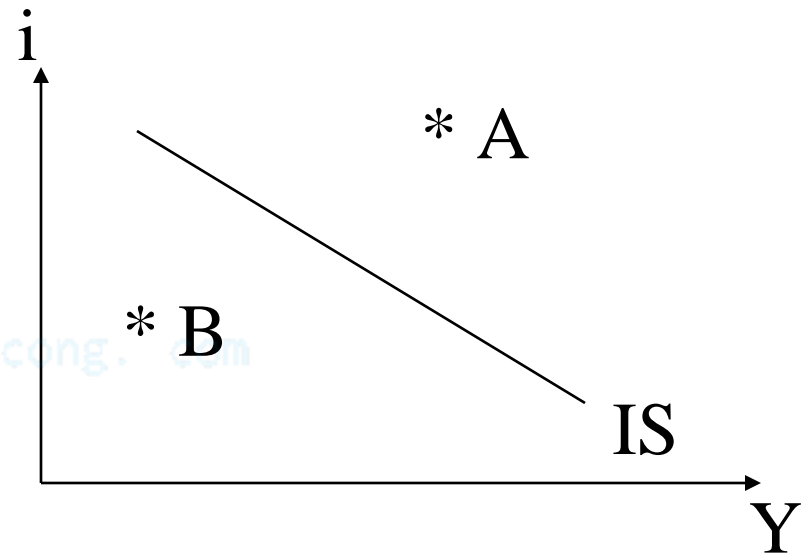
XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA TT-SP

1. Tại A, bên phải IS \rightarrow

$Y > Y^{ad}$, dư cung hàng

hoá \rightarrow hàng tồn kho tăng

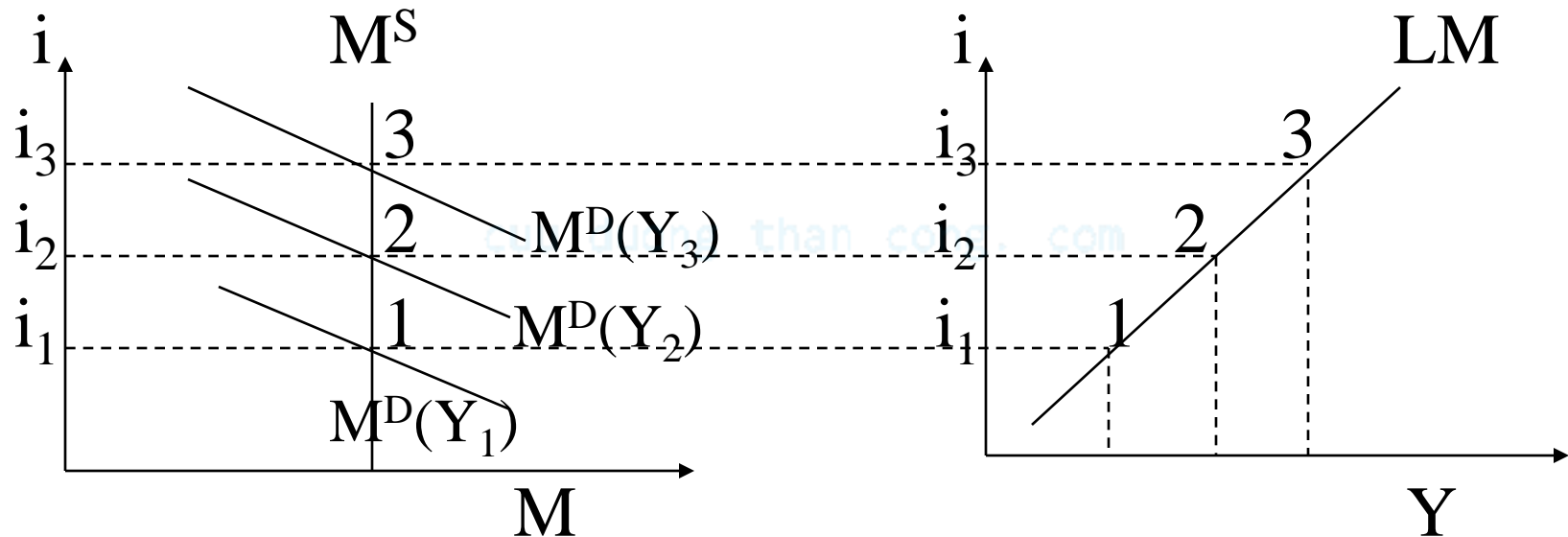
$\rightarrow I$ giảm $\rightarrow Y$ giảm & A trở về IS



2. Tại B, bên trái IS $\rightarrow Y < Y^{ad}$, dư cầu hàng hoá \rightarrow giảm hàng tồn kho $\rightarrow I$ tăng $\rightarrow Y$ tăng & B trở về IS

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - ĐƯỜNG LM

Đồ thị



M^S , độc lập $\rightarrow M^S // i$. M^D quan hệ nghịch $i \rightarrow M^D$ dốc xuống đảm bảo khi i tăng $\rightarrow M^D$ tăng. Kết quả khi $i_1 < i_2 < i_3 \rightarrow Y_1 < Y_2 < Y_3$ ứng với các mức cầu tiền $M^{D1} < M^{D2} < M^{D3}$

Ý NGHĨA CỦA ĐƯỜNG LM

1. LM là tập hợp những điểm cân bằng trên TT-TT. $M^S = M^D$ tại những mức lãi suất khác nhau
2. LM là đường dốc lên, biểu hiện quan hệ thuận giữa i & Y
3. LM phản ánh xu hướng vận động của TT-TT là luôn trở về LM

XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA TT-TT

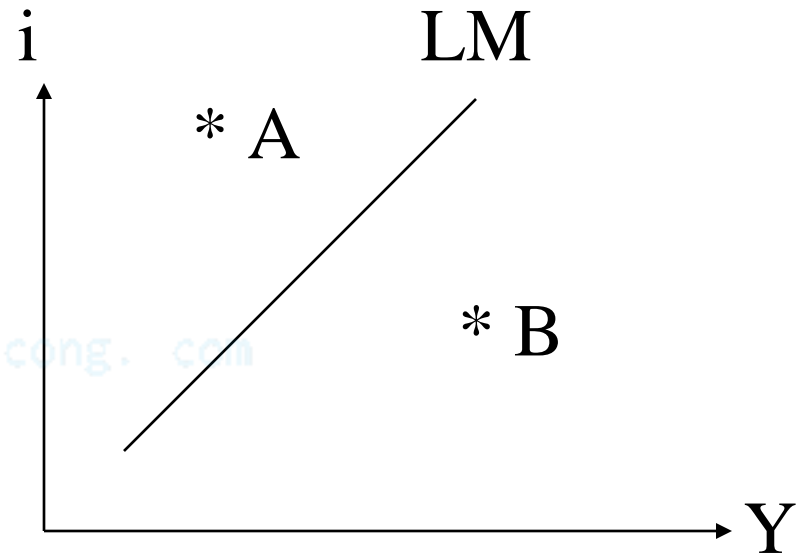
1. Tại A, trái LM \rightarrow

$M^S > M^D$, dư cung tiền \rightarrow mua TK'

$\rightarrow B^D$ tăng, giá TK'

\rightarrow tăng, i giảm, I tăng

$\rightarrow Y$ & M^D tăng \rightarrow LM

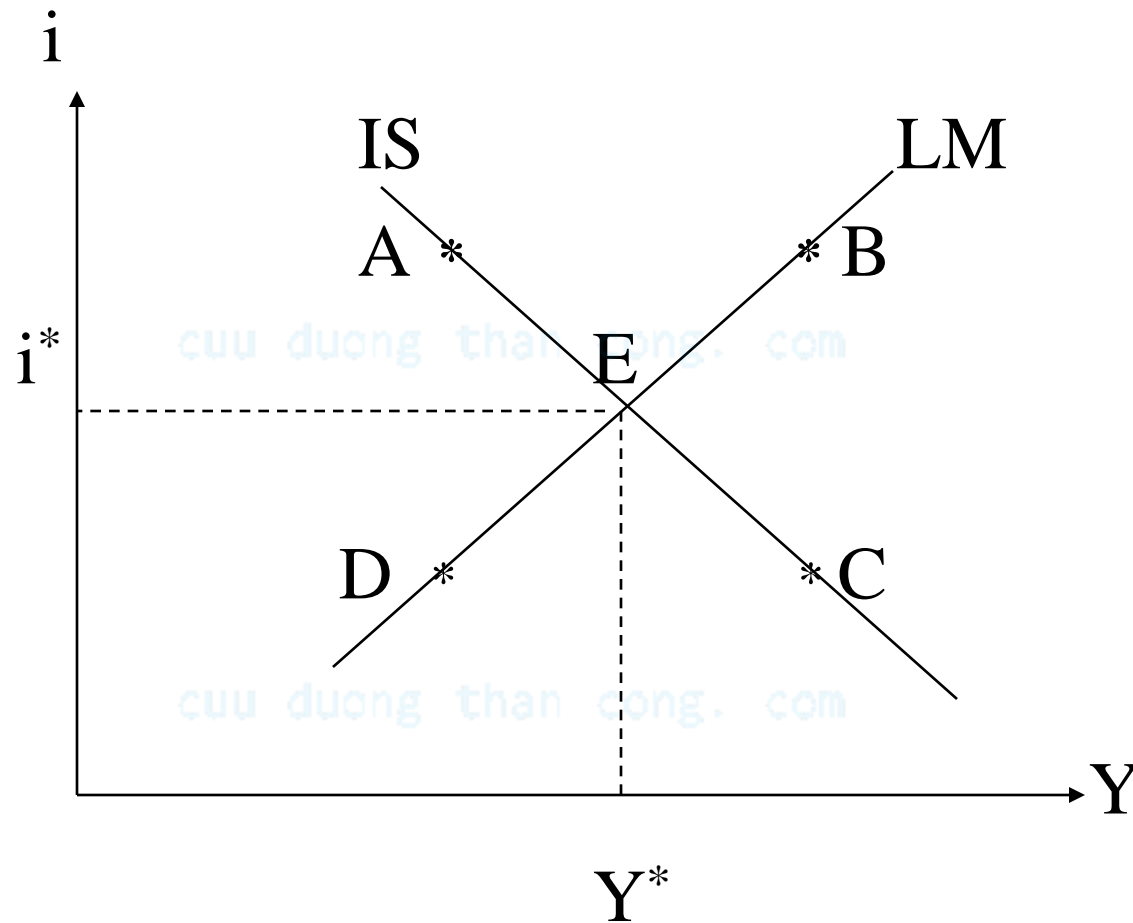


2. Tại B, phải LM $\rightarrow M^D > M^S$, dư cầu tiền \rightarrow bán TK', B^S tăng, giá TK' giảm, i tăng & I giảm $\rightarrow Y$ & M^D giảm \rightarrow LM

MÔ HÌNH ISLM

1. Là sự kết hợp của 2 đường IS & LM trong quan hệ giữa i & Y
2. Tại E , khi IS cắt LM nền kinh tế đạt vị trí cân bằng, xác định i^* & Y^* . Lúc này, ta có cả cân bằng trên TT-SP ($Y = Y^{\text{ad}}$) & TT-TT ($M^S = M^D$)
3. Chú ý: Y^* không nhất thiết là Y^n
4. E, phản ánh xu hướng vận động của nền kinh tế là luôn trở về điểm cân bằng

MÔ HÌNH ISLM



XU HƯỚNG

VẬN ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ

1. Tại A, trên IS & trái LM, cân bằng trên TT-SP & dư cung tiền trên TT-TT, mua TK', B^D tăng, P_b tăng & i giảm, I tăng, Y tăng, nền kinh tế vận động dọc theo IS $\rightarrow E$
2. Tại B, trên LM & phải IS, cân bằng trên TT-TT & dư cung hàng hoá, hàng tồn kho tăng, I giảm, Y giảm, M^D giảm $\rightarrow B$ chuyển dịch dọc theo LM trở về E
3. Tại C, tương tự A nhưng ngược lại
4. Tại D, tương tự B nhưng ngược lại

NHỮNG NHÂN TỐ THAY ĐỔI i^* & Y^*

1. Những nhân tố dịch chuyển IS

<u>Nhân tố</u>	<u>Xu hướng</u>	<u>Mức độ</u>
$a (C)$	(+)	Phụ thuộc độ co
I	(+)	giãn của IS & số
G	(+)	nhân của từng
NX	(+)	nhân tố tổng cầu
T	(-)	

2. Những nhân tố dịch chuyển LM

M^S	(+)	Phụ thuộc độ co
M^D	(-)	giãn của M^D
		với i

NHỮNG NHÂN TỐ

THAY ĐỔI i^* & Y^* (tiếp)

1. Thay đổi của i^* & Y^* là kết quả chuyển dịch của cả IS & LM
2. Tác động của chính sách tiền tệ
 - Công cụ: lượng cung tiền (M_1) & lãi suất (i)
 - Hậu quả làm thay đổi cả i^* & Y^* nhưng ngược chiều với nhau
3. Tác động của chính sách tài chính
 - Công cụ: T & G
 - Hậu quả cũng làm thay đổi cả i^* & Y^* nhưng cùng chiều với nhau

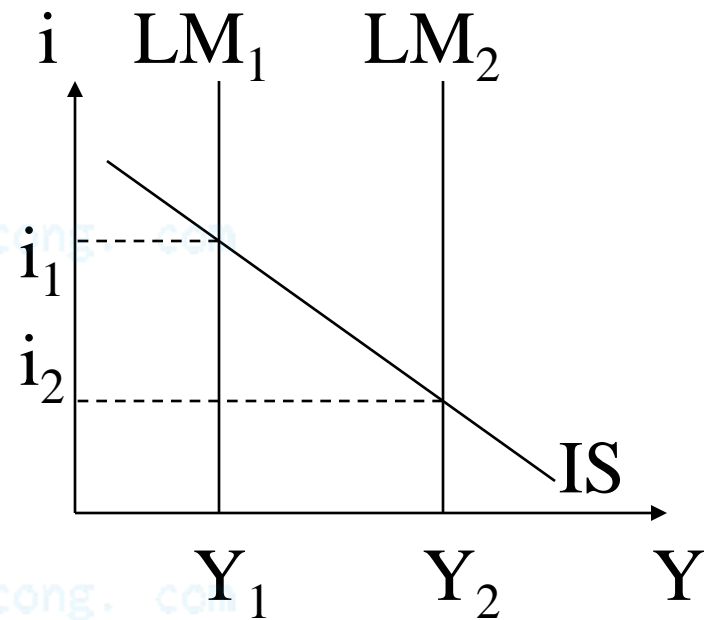
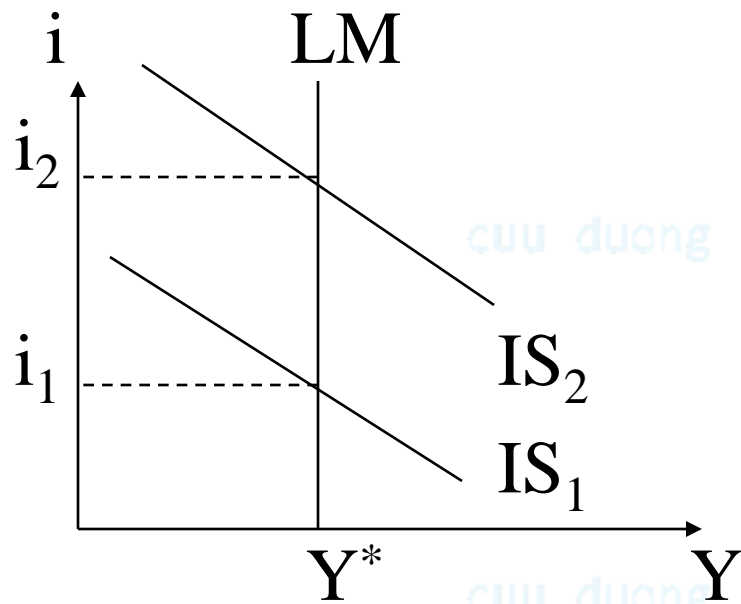
TỔNG HỢP CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN i^* & Y^*

<u>Nhân tố</u>	<u>Đáp lại của i^* & Y^*</u>	<u>Lý do</u>
C tăng	Y tăng & i tăng	C tăng, Y^{ad} tăng, IS df
I tăng	Y tăng & i tăng	I tăng, Y^{ad} tăng, IS df
G tăng	Y tăng & i tăng	G tăng, Y^{ad} tăng, IS df
NX tăng	Y tăng & i tăng	NX tăng, Y^{ad} tăng, IS df
T tăng	Y giảm & i giảm	T tăng, Y^{ad} giảm, IS dt
M^S tăng	Y tăng & i giảm	M^S tăng, i giảm, LM df
M^D tăng	Y giảm & i tăng	M^D tăng, i tăng, LM dt

CSTT CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTC

1. Xét trường hợp M^D hoàn toàn không co giãn với lãi suất \rightarrow LM thẳng đứng \rightarrow CSTC như tăng G hoặc giảm T đều hoàn toàn không có hiệu quả. Nhưng CSTT lại hoàn toàn có hiệu quả. M_1 tăng \rightarrow LM sang phải $\rightarrow i^*$ giảm & Y^* tăng
2. Khái quát \rightarrow Kết luận: khi cầu tiền càng ít co giãn, ít nhạy cảm với lãi suất bao nhiêu, CSTT càng có hiệu quả hơn CSTC bấy nhiêu

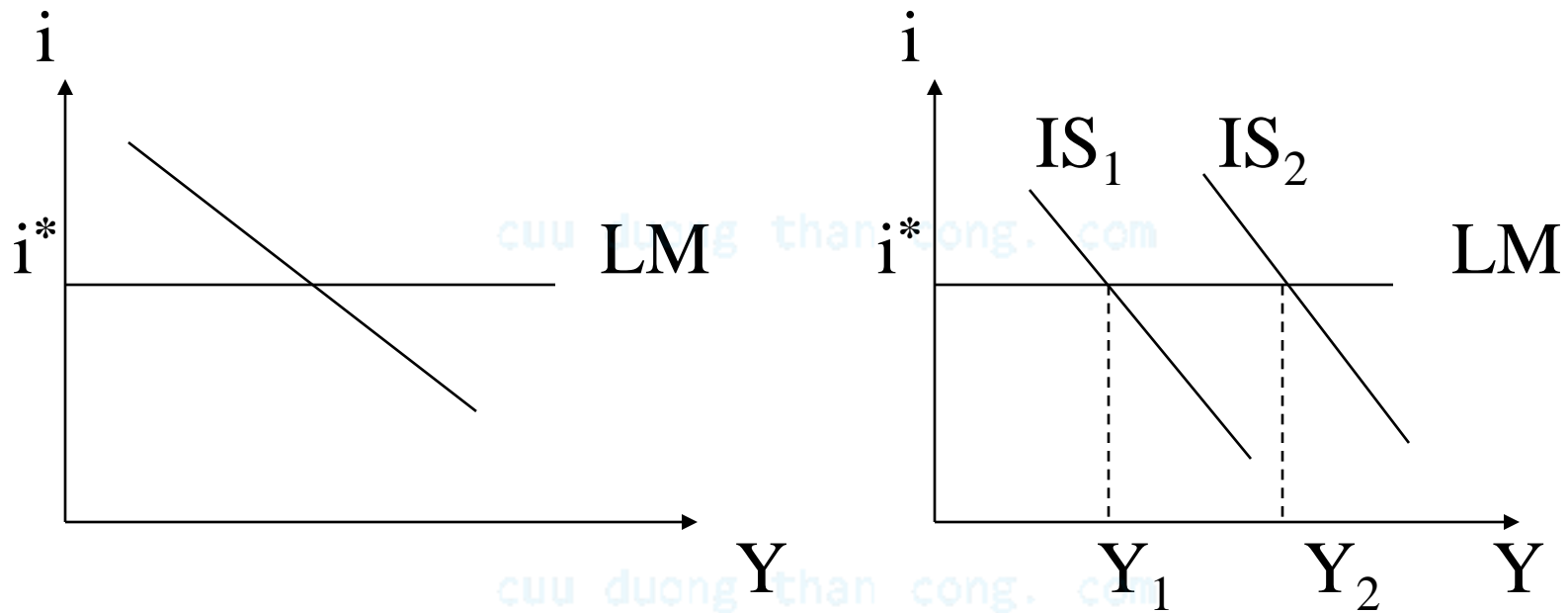
CSTT CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTC (tiếp)



CSTC CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTT

1. Xét trường hợp M^D hoàn toàn co giãn với lãi suất \rightarrow LM nằm ngang, xuất hiện “*bẫy tiền mặt*” \rightarrow CSTT hoàn toàn không có tác dụng. Còn CSTC như tăng G hoặc giảm T lại hoàn toàn có hiệu quả. G tăng \rightarrow IS sang phải $\rightarrow i^*$ không thay đổi & Y^* tăng
2. Khái quát \rightarrow Kết luận: khi cầu tiền càng co giãn, nhạy cảm với lãi suất bao nhiêu, CSTC càng có hiệu quả hơn CSTT bấy nhiêu

CSTC CÓ HIỆU QUẢ HƠN CSTT



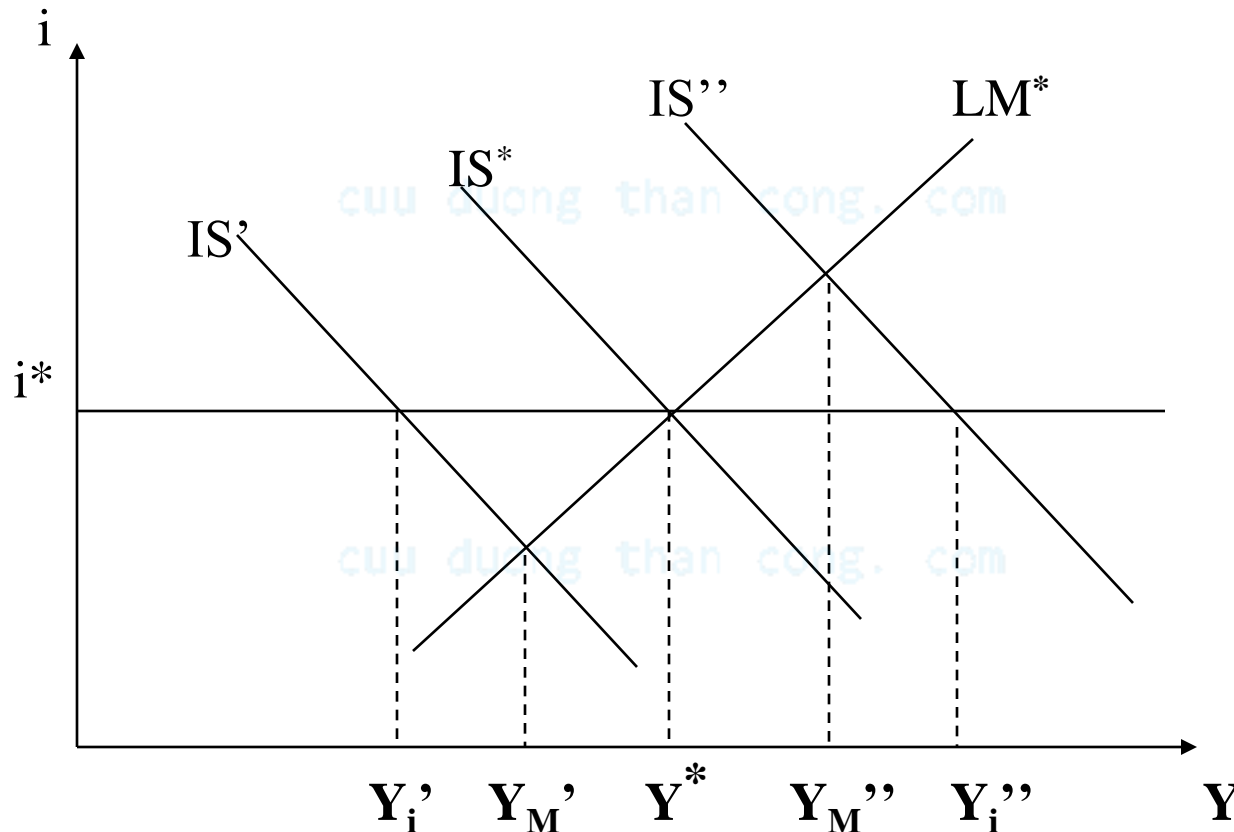
HIỆU QUẢ CỦA CSTT & CSTC

Để xác định tính hiệu quả của CSTT & CSTC, các nhà hoạch định chính sách cần hết sức quan tâm đo lường chính xác độ co giãn của cầu tiền với lãi suất

cuu duong than cong. com

LỰA CHỌN MỤC TIÊU CỦA CSTT LÀ M_1

Trường hợp, TT-SP dao động nhiều hơn TT-TT

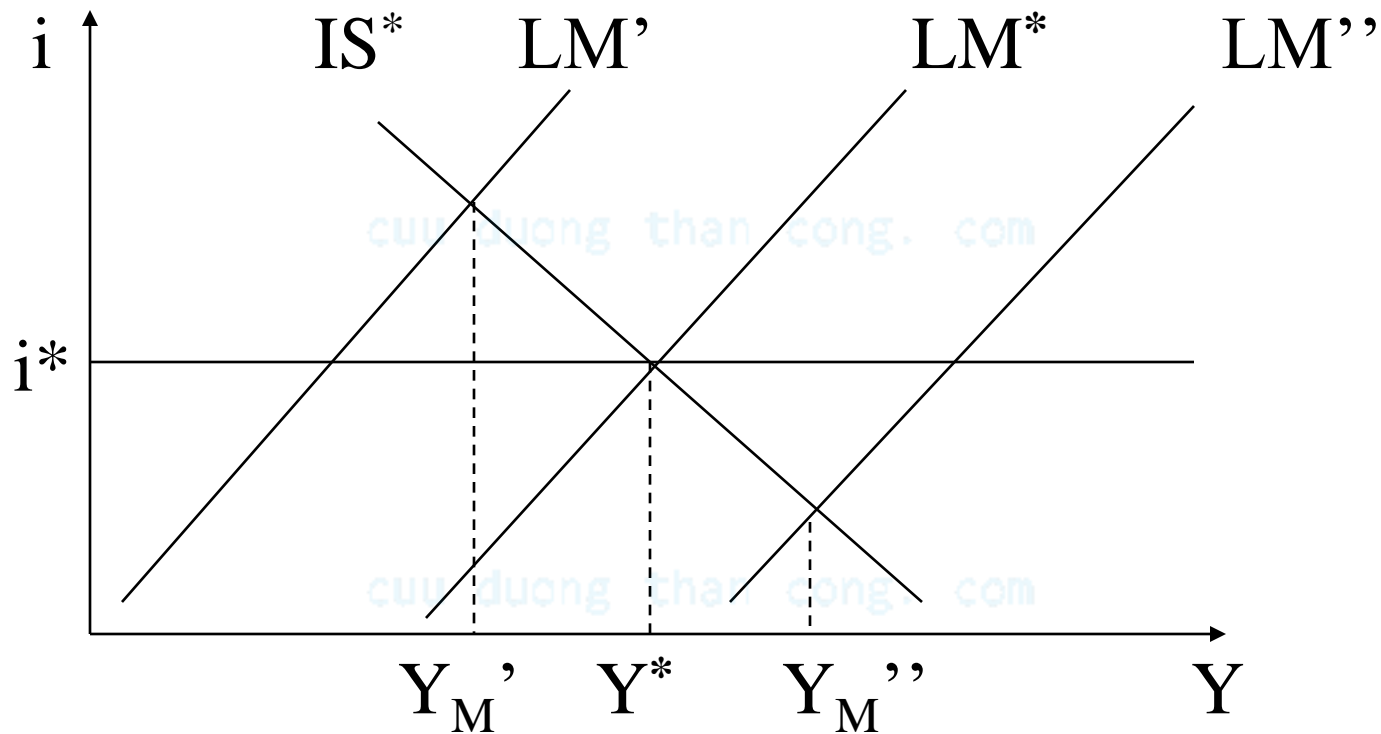


Chọn ổn định M_1 sẽ làm nền kinh tế biến động ít hơn³²

LỰA CHỌN

MỤC TIÊU CỦA CSTT LÀ i

Trường hợp, TT-TT dao động nhiều hơn TT-SP



Chọn ổn định i có khả năng ổn định nền kinh tế

PHÂN TÍCH AS-AD & KHẢ NĂNG TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

1. Tổng cầu (AD)
2. Tổng cung (AS)
3. Cân bằng & khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế

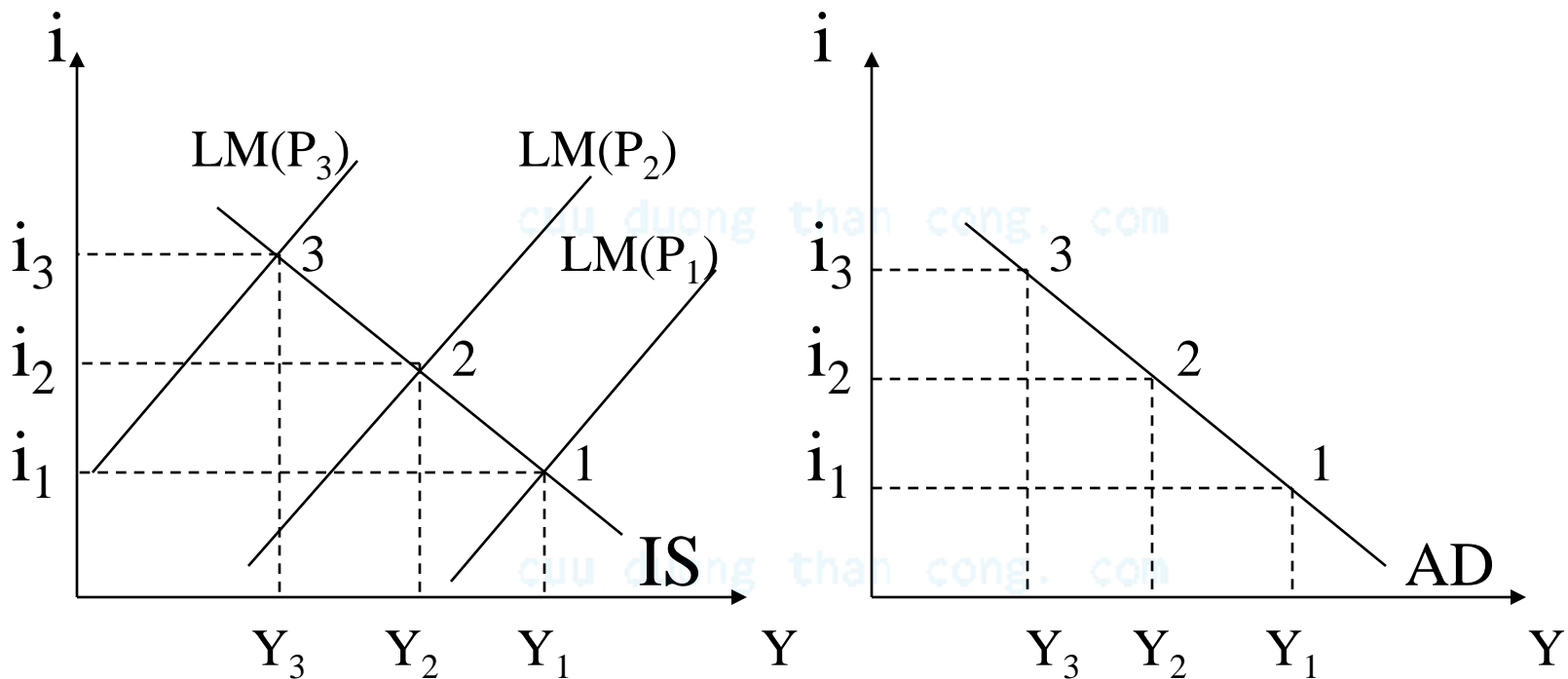
cuu duong than cong. com

LẬP ĐƯỜNG TỔNG CẦU (AD)

1. Tương quan giữa tổng cầu với LM: đường AD
 - Quan hệ mức giá (P) & sản lượng (Y)
 - Quan hệ P & cầu tiền thực tế (M^D/P)
 - Quan hệ cầu tiền (M^D) & cung tiền (M^S)
 - Quan hệ giữa LM & AD
 - Tương quan giữa mô hình ISLM & mô hình AD-AS
2. Sự dịch chuyển của đường tổng cầu (AD)
 - Do các nhân tố làm chuyển dịch IS
 - Do các nhân tố làm chuyển dịch LM

XÂY DỰNG ĐƯỜNG AD

Quan hệ mô hình ISLM & mô hình AD-AS



DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD

1. Do các nhân tố dịch chuyển IS

- C tăng, IS & AD đều dịch phải
- I tăng, IS & AD đều dịch phải
- G tăng, IS & AD đều dịch phải
- NX tăng, IS & AD đều dịch phải
- T tăng, IS & AD đều dịch trái

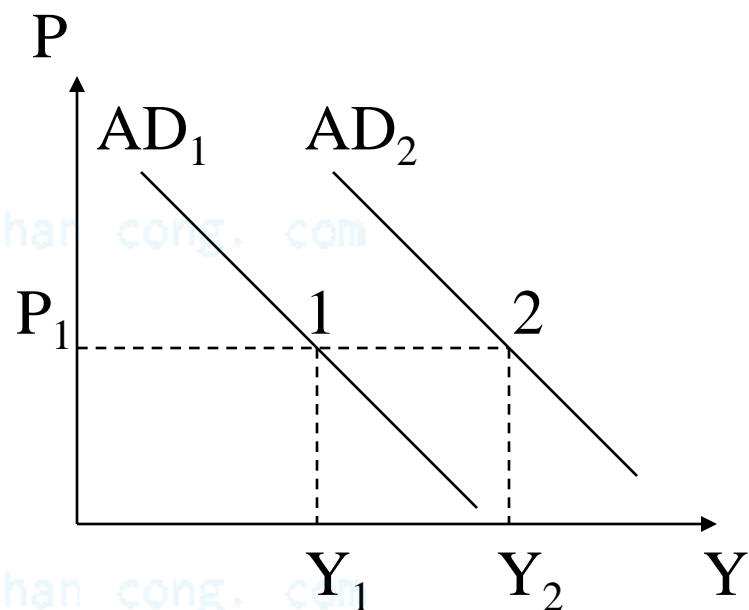
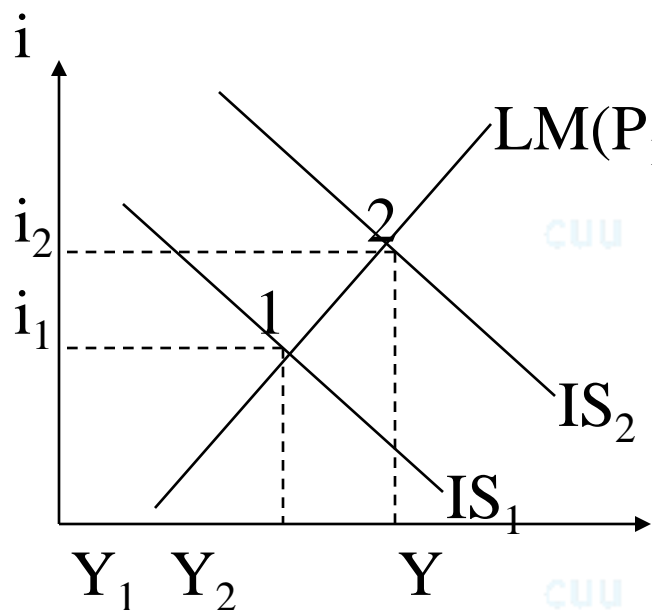
2. Do các nhân tố dịch chuyển LM

- M_1 tăng, LM & AD dịch phải
- M^D tăng, LM & AD dịch trái

DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD

(đồ thị đường IS dịch chuyển)

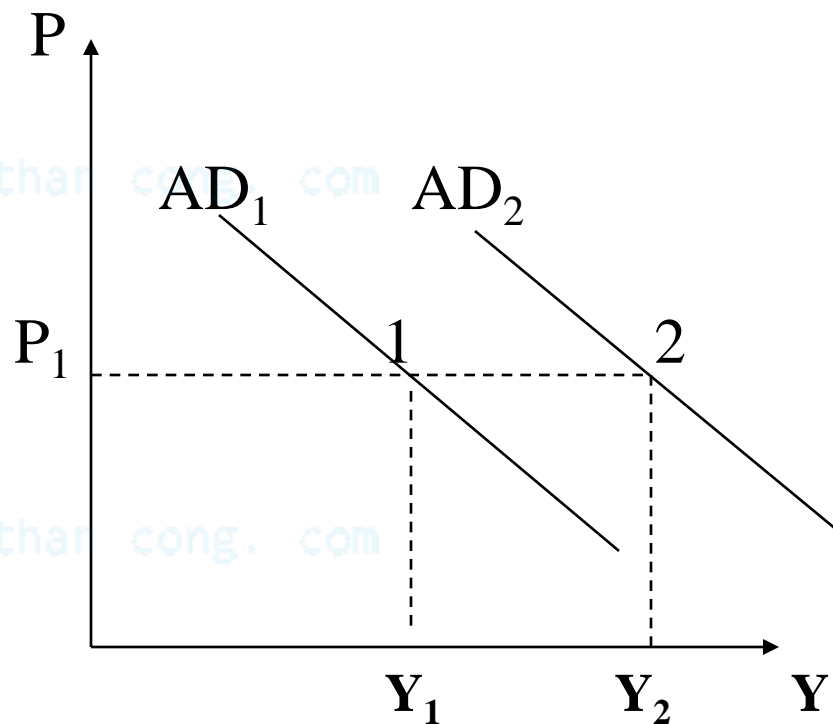
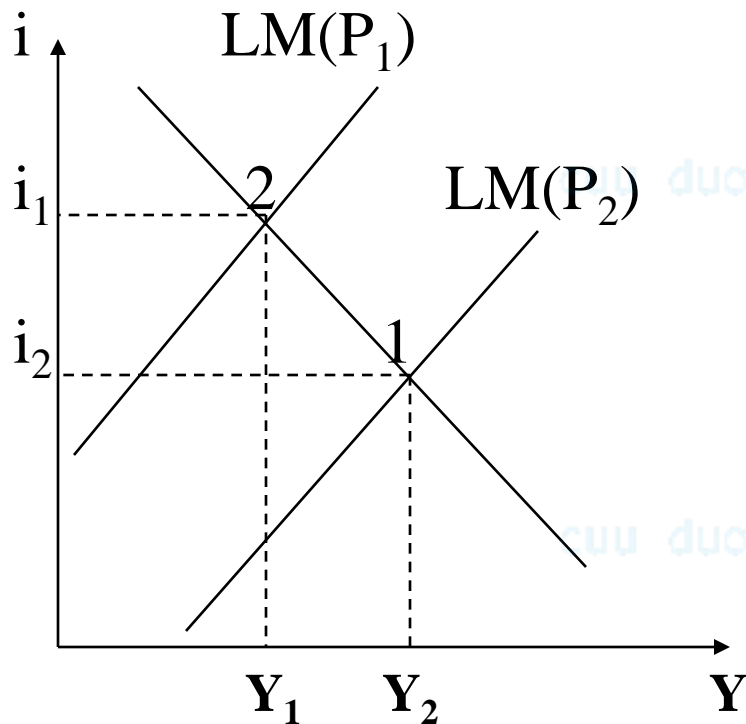
Tác động của C, I, G, NX tăng & T giảm



DỊCH CHUYỂN CỦA ĐƯỜNG AD

(đồ thị đường LM dịch chuyển)

Tác động của M_1 tăng & M^D giảm

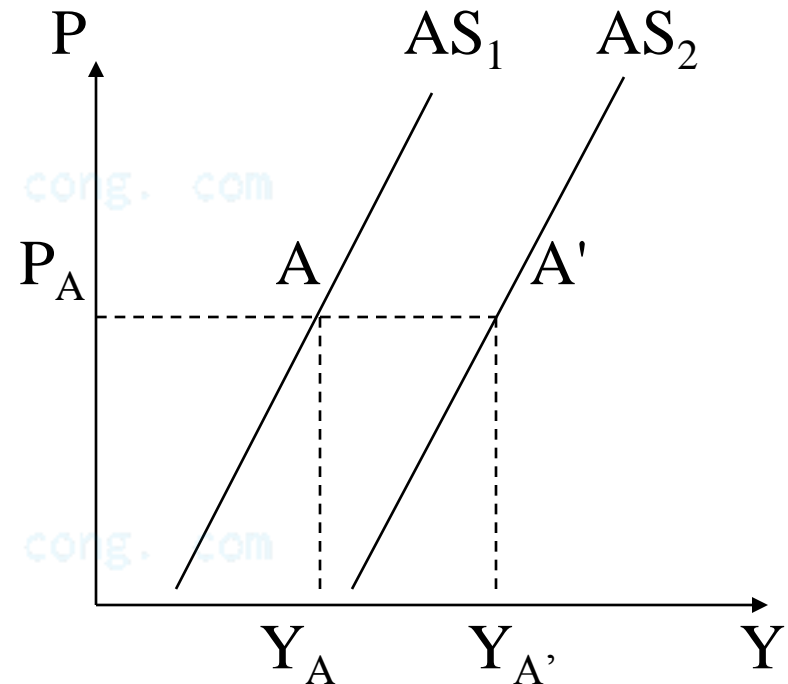
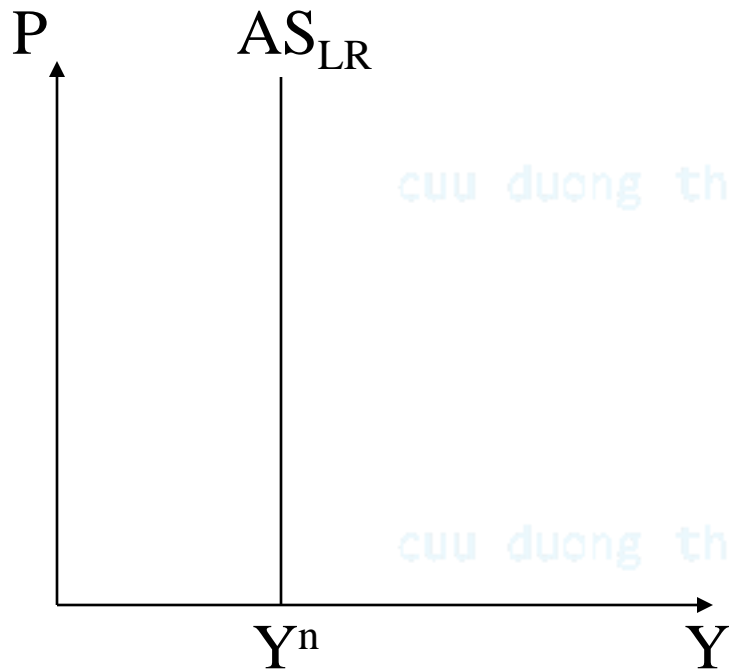


PHÂN TÍCH TỔNG CẦU (AD)

1. P giảm $\rightarrow M^D/P$ tăng $\rightarrow I$ & NX tăng $\rightarrow Y$ & Y^{ad} tăng
2. Các nhân tố khác tương tự

LẬP ĐƯỜNG TỔNG CUNG (AS)

Trong AS_{SR} phản ánh quan hệ thuận giữa giá & sản lượng



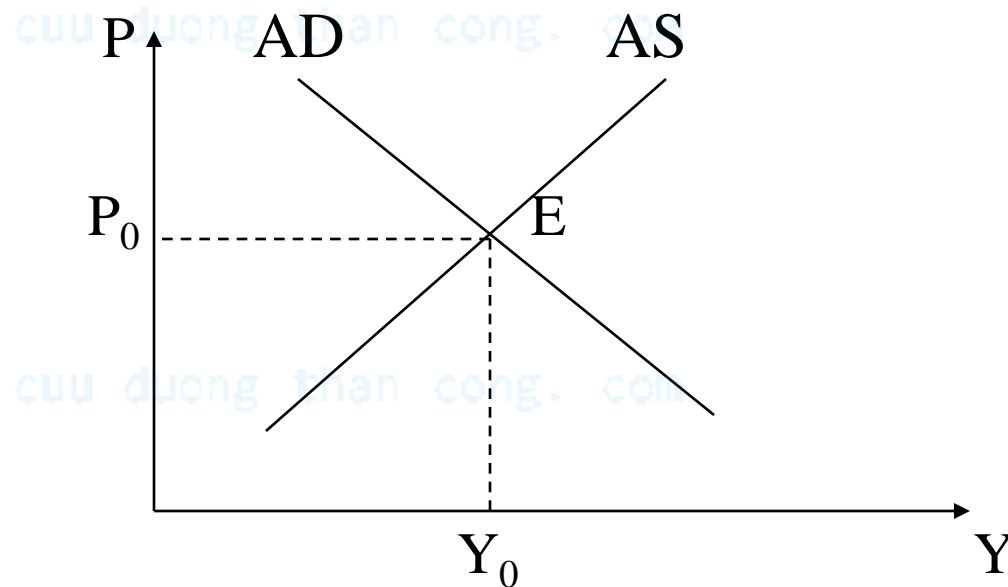
DỊCH CHUYỂN CỦA AS

1. Giá của các yếu tố đầu vào tăng \rightarrow chi phí sản xuất tăng khi giá sản phẩm (đầu ra) không đổi \rightarrow lợi nhuận giảm, hãng thu hẹp sản xuất \rightarrow AS dịch trái \rightarrow sản lượng (Y) giảm tại mỗi mức giá (P)
2. Ngược lại, khi giá của các yếu tố đầu vào giảm \rightarrow chi phí sản xuất giảm khi giá sản phẩm (đầu ra) không đổi \rightarrow lợi nhuận tăng, hãng mở rộng sản xuất \rightarrow AS dịch phải & sản lượng (Y) tăng ở mỗi mức giá (P)

CÂN BẰNG

TRONG MÔ HÌNH AS – AD NGẮN HẠN

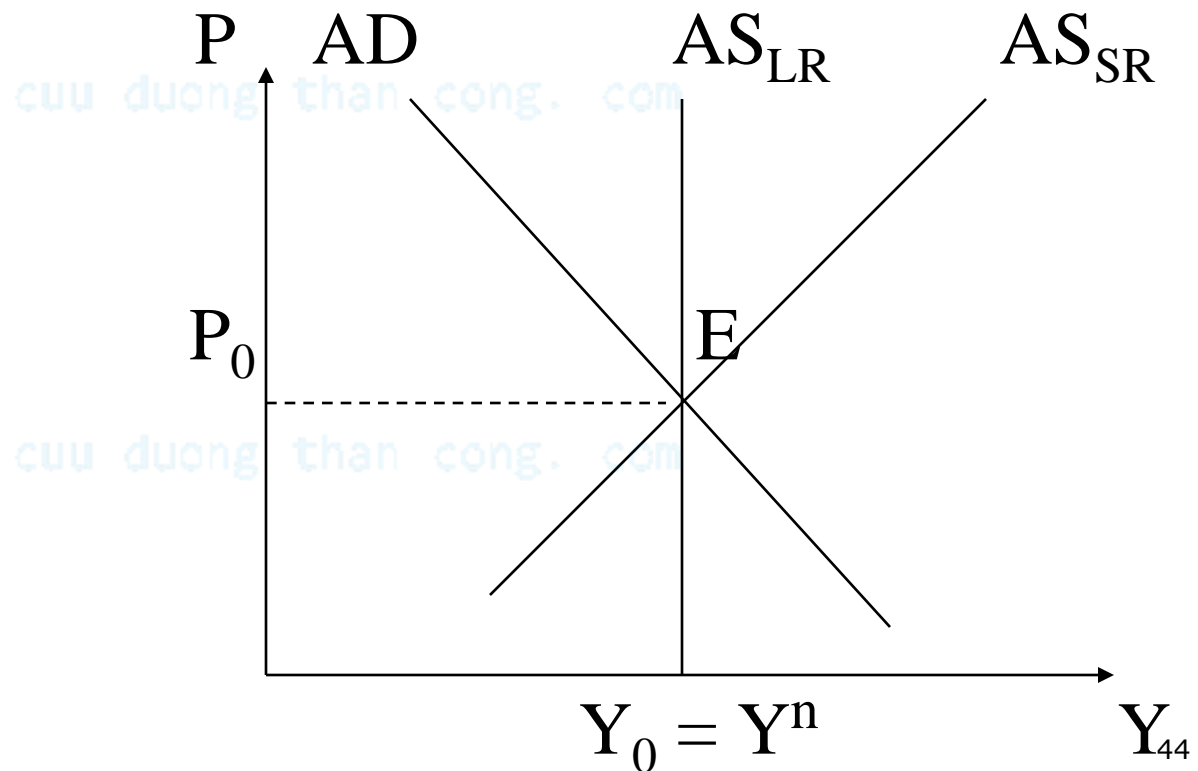
1. Cân bằng trong ngắn hạn (SR) là sự kết hợp của AS_{SR} & AD, xác định điểm cân bằng (E) của nền kinh tế tại một mức giá nhất định. Tại E có P_0 & Y_0 (giá & sản lượng cân bằng), là điểm phản ánh xu hướng vận động của nền kinh tế
2. Đồ thị



CÂN BẰNG

TRONG MÔ HÌNH AS – AD DÀI HẠN

1. Cân bằng trong dài hạn (LR) là sự kết hợp của cả AD, AS_{SR} & AS_{LR} , xác định điểm cân bằng (E) của nền kinh tế tại điểm $Y = Y^n$ với mức $U = U^n$
2. Đồ thị

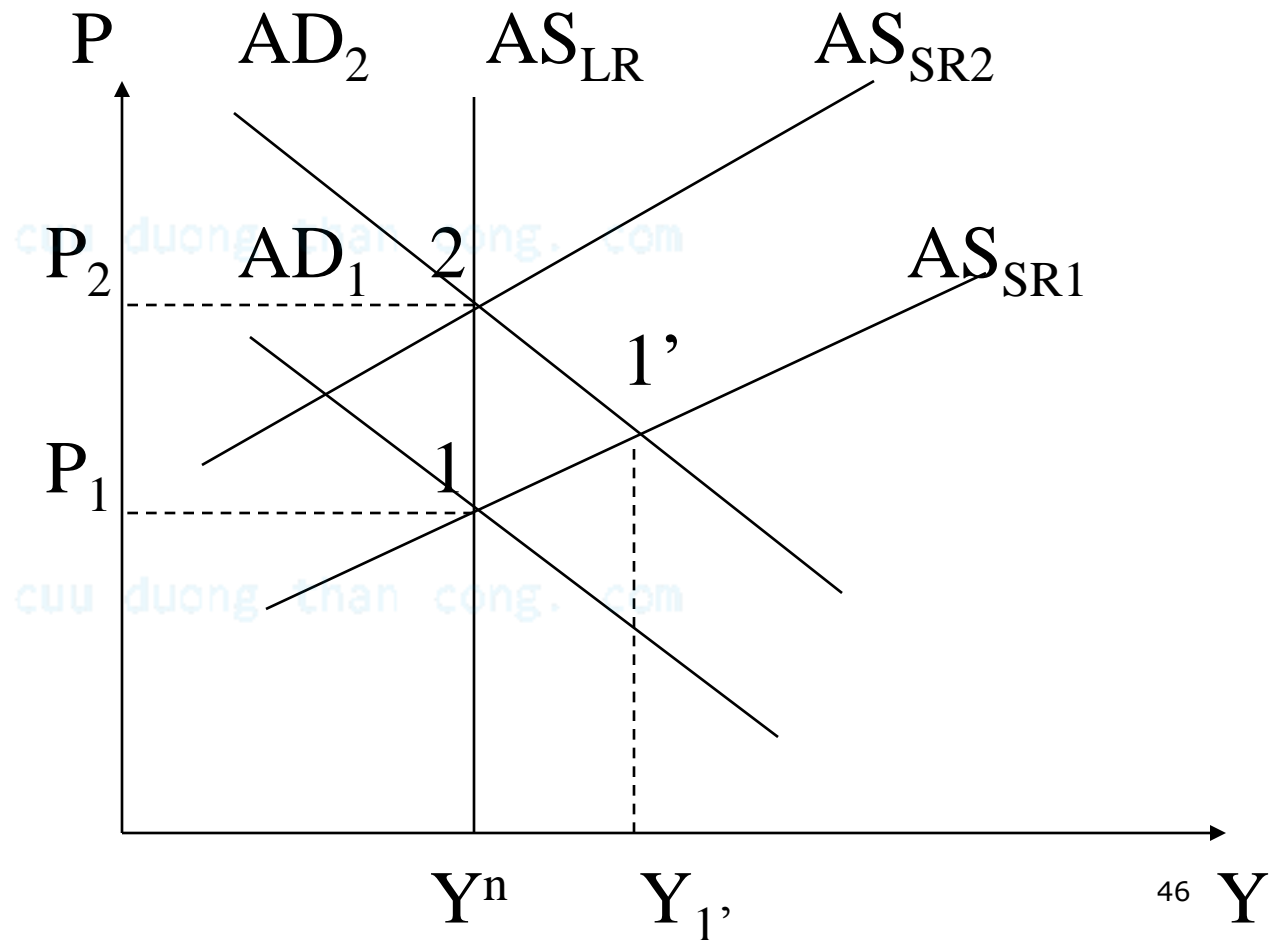


CƠ CHẾ TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

Chuyển dịch của AD

- AD chuyển dịch sang phải khi các nhân tố M_1 , C , I , G , NX tăng lên & M^D , T giảm đi $\rightarrow Y^n$ tăng đến Y_1 , đồng thời P cũng tăng từ $P_1 \rightarrow P_2$. Nhưng P tăng $\rightarrow W$ (*tiền lương*) tăng & làm AS giảm từ AS_1 sang AS_2 , kéo Y trở lại Y^n . Kết quả là chỉ có P tăng & có thể \rightarrow lạm phát
- AD chuyển dịch sang trái khi các nhân tố thay đổi ngược lại. Và kết quả thu được cũng chỉ là mức giá giảm & có thể \rightarrow giảm phát

CHUYỂN DỊCH CỦA ĐƯỜNG AD (*đồ thị*)



CƠ CHẾ TỰ ĐIỀU CHỈNH CỦA NỀN KINH TẾ

Chuyển dịch của đường AS

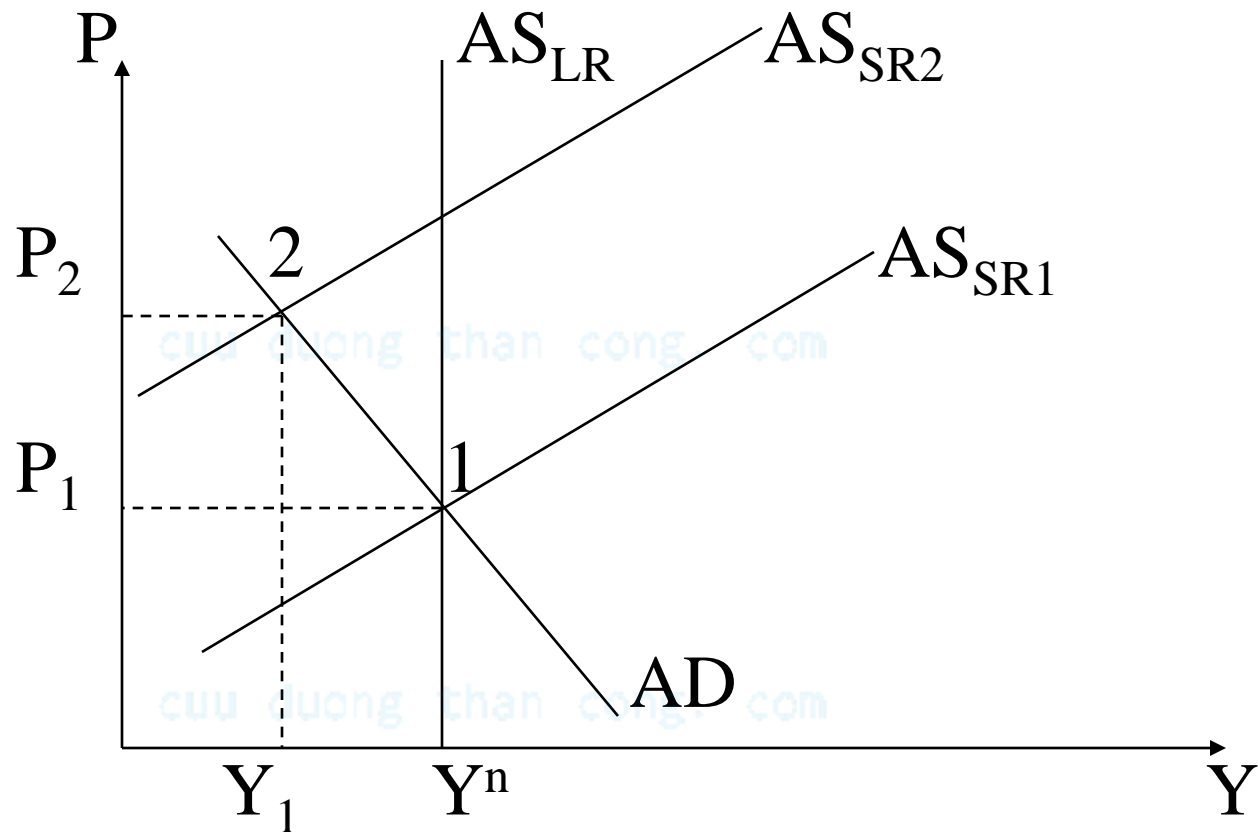
1. Những nhân tố chuyển dịch AS

- Tình trạng của thị trường lao động
- Dự đoán về lạm phát
- Công nhân đòi tăng lương
- Tăng các chi phí sản xuất khác

2. Tác động

- Các nhân tố làm chi phí sản xuất tăng \rightarrow AS giảm, dịch trái \rightarrow giảm Y & tăng $P \rightarrow Y < Y^n$ & $U > U^n$. Nền kinh tế tự điều chỉnh để trở về Y^n & U^n

ĐỒ THỊ CHUYỂN DỊCH CỦA ĐƯỜNG AS



Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHÂN TÍCH AS - AD

1. Giúp giải thích về khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế khi xảy ra mất cân bằng
2. Là công cụ hữu hiệu giải thích về tính chất của chu kỳ kinh doanh
3. Giúp giải thích khả năng tự điều chỉnh cân bằng ngoại khi có tác động của việc dựng lên hoặc bỏ đi các hàng rào thuế quan & phi thuế quan

TIỀN TỆ & LẠM PHÁT

1. Lạm phát & những nhân tố ảnh hưởng
 - Khái niệm
 - Những nhân tố ảnh hưởng
2. Chính sách tiền tệ lạm phát
 - Chỉ tiêu có mức thất nghiệp thấp & lạm phát
 - Thâm hụt Ngân sách & lạm phát

KHÁI NIỆM LẠM PHÁT

1. Lạm phát bao giờ & ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ
2. Lạm phát là hiện tượng tăng giá kéo dài
3. Lạm phát là hiện tượng phổ biến trong nền kinh tế các nước & là một trong những mối quan tâm hàng đầu của các Chính phủ

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI LẠM PHÁT

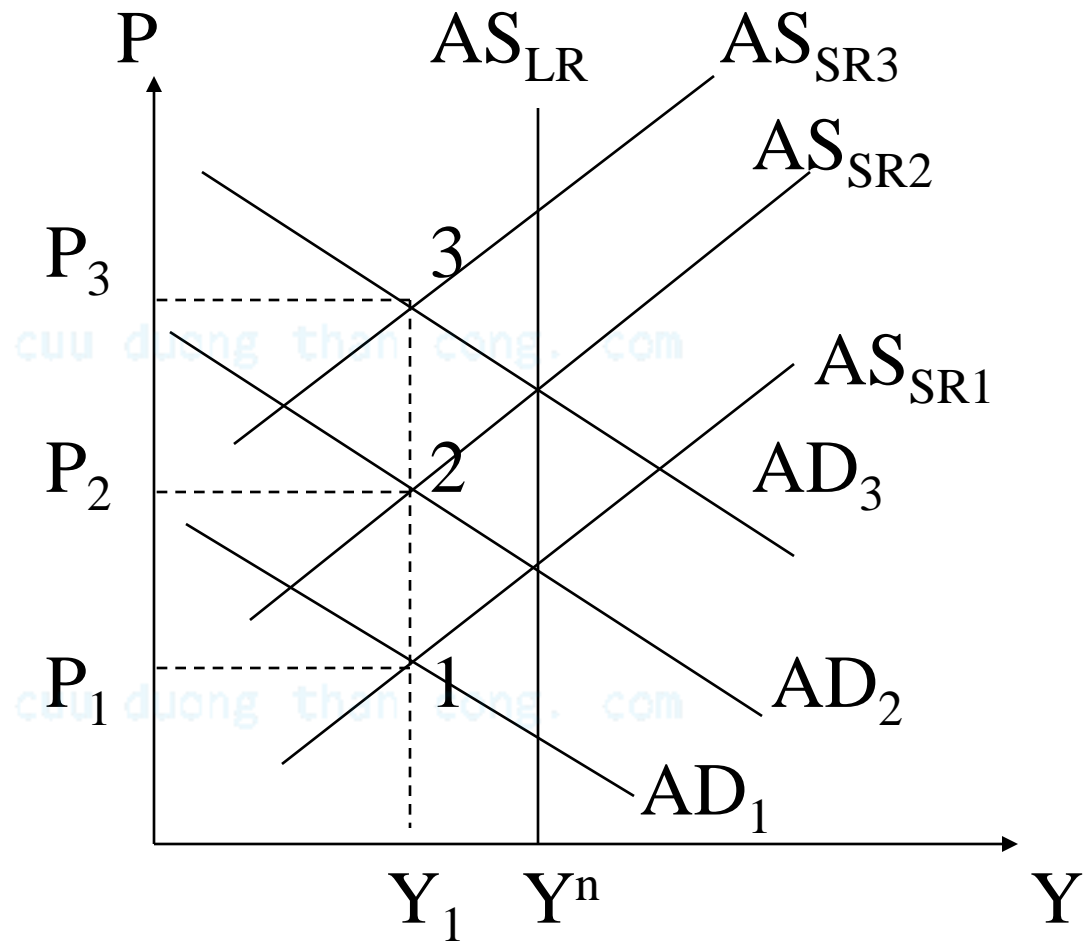
1. Chính sách tiền tệ
2. Chính sách tài khoá
3. Chính sách việc làm
4. Các cú sốc từ nền kinh tế

cuu duong than cong. com

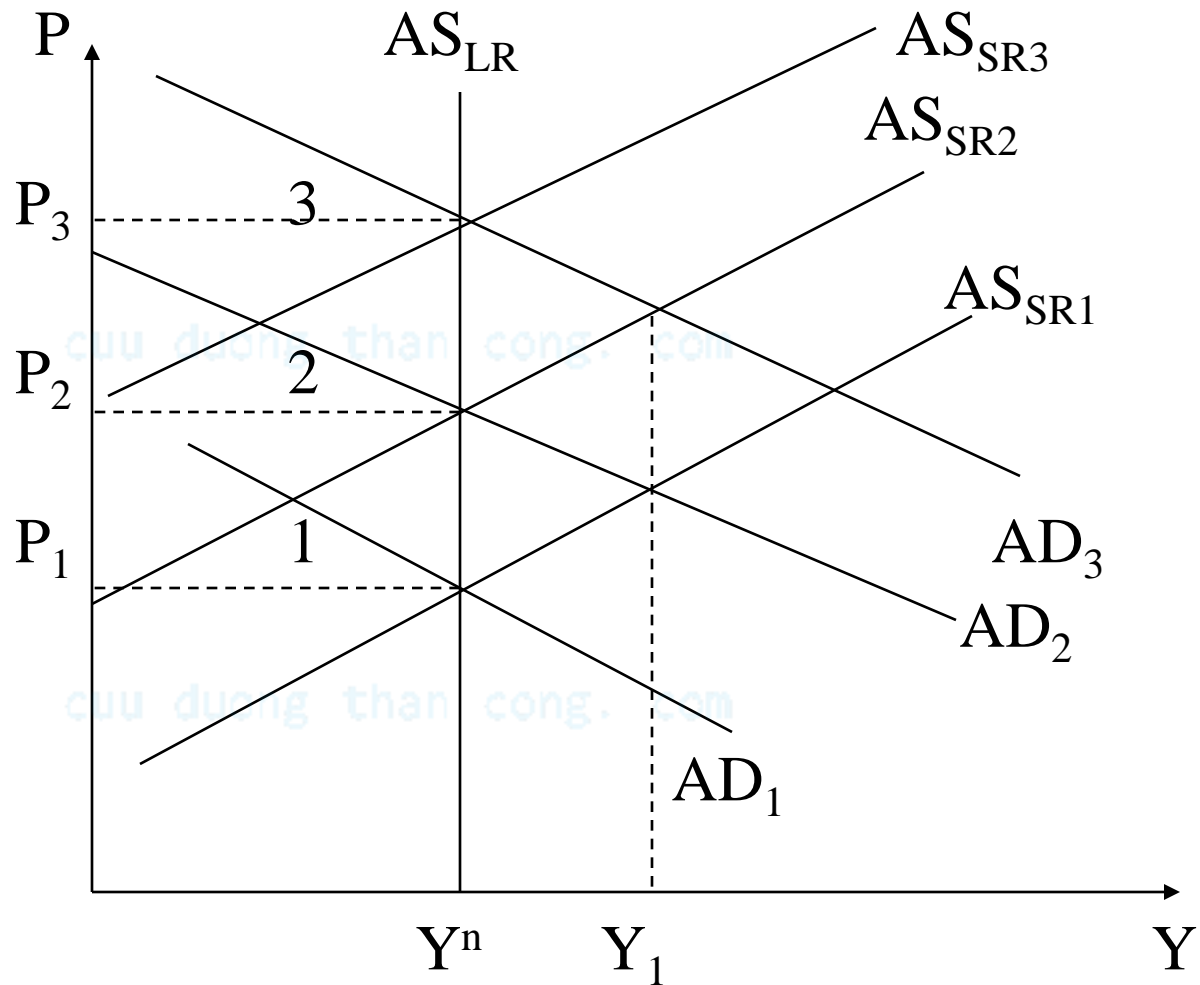
CHỈ TIÊU CÓ NHIỀU VIỆC LÀM & LẠM PHÁT

1. Mục tiêu → có mức thất nghiệp thấp
2. Phương pháp
 - Áp dụng CSTC mở rộng
 - Áp dụng CSTT mở rộng
3. Hậu quả
 - Lạm phát chi phí đẩy xảy ra khi Chính phủ muốn đạt mức thất nghiệp = U^n , đồ thị (1)
 - Lạm phát cầu kéo xảy ra khi Chính phủ muốn đạt mức thất nghiệp $< U^n$, đồ thị (2)

ĐỒ THỊ (1) - LẠM PHÁT CHI PHÍ ĐẦY



ĐỒ THỊ (2) - LẠM PHÁT CẦU KÉO



THÂM HỤT NGÂN SÁCH & LẠM PHÁT

1. Các biện pháp tài trợ thâm hụt Ngân sách

- Bán trái khoán (1)
- Tăng thuế (2)
- In tiền (3)

2. Hậu quả

- (1) Không ảnh hưởng đến cung tiền
- (2) Không ảnh hưởng đến cung tiền
- (3) Tác động mở rộng cung tiền → lạm phát

BÀI TẬP TẠI LỚP

1. Sử dụng mô hình ISLM, giải thích sự khác nhau giữa việc tăng chi tiêu của Nhà nước được trang trải bằng bán trái phiếu cho Công chúng với việc trang trải bằng cách in tiền? Hãy chỉ ra bằng đồ thị ảnh hưởng của nó đối với mức lãi suất & tổng sản phẩm cân bằng?
2. Tại sao các nhà kinh tế lại quan tâm đến việc đo lường chính xác độ co giãn của cầu tiền?